

Số: /QĐ-TTYT

Chợ Mới, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-SYT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-SYT ngày 30/12/2024 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025, như sau:

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 thực hiện;
- BGĐ TTYT;
- Phòng HCTH (KT Nhung);
- Phòng KHNH (CK trên Công TTDT);
- Lưu: VT, KT (Nhung).

GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Viết

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	Số tiền
A	1
I. THU SỰ NGHIỆP	19.500
1. Các khoản thu	19.500
1.2. Thu dịch vụ, thu khác	19.500
Dịch vụ khám chữa bệnh	18.557
Dịch vụ Methadone	350
Dịch vụ tiêm chủng	268
Thu dịch vụ khác	325
1.3. Chi từ nguồn phí để lại, nguồn thu dịch vụ và nguồn thu khác	19.499
1.4. Số phải nộp ngân sách	1
1.5. Tiết kiệm làm lương trên số trích để lại đơn vị	120
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH	27.693,30
A. CHI THƯỜNG XUYÊN	27.693,30
3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (423.130, mã DP 200)	27.633,30
3.1. Hoạt động Y tế dự phòng (423.130.131)	22.958,30
3.1.1. Kinh phí thường xuyên hệ Dự phòng (13)	4.178,00
3.1.2. Kinh phí thường xuyên hệ xã, phường (13)	16.014,00
3.1.3. Kinh phí không thường xuyên (12)	1.902,30
3.1.4. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (18)	864,00
3.2. Hoạt động khám chữa bệnh (423.130.132, mã DP 200)	3.575,00
3.2.1. Kinh phí thường xuyên (13)	3.295,00
3.2.2. Kinh phí không thường xuyên (12)	80,00
3.2.3. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (18)	200,00
3.3. Hoạt động Y tế khác (423.130.139, mã DP 200)	20,00
3.3.2. Kinh phí không thường xuyên (12)	20,00
3.4. Hoạt động Dân số (423.130.151, mã DP 200)	1.080,00
3.4.1. Kinh phí thường xuyên (13)	1.024,00
3.4.3. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (18)	56,00
4. Đảm bảo xã hội (423.370.398, mã DP 200)	60,00
4.2. Kinh phí không thường xuyên	60,00

Ghi chú:

- Đã giảm trừ tiết kiệm 10% theo quy định;
- Đã giảm trừ chi thường xuyên để trích Quỹ TĐKT của ngành: 8 triệu đồng
- Đã giảm trừ thu dịch vụ năm 2025 để thực hiện CCTL 120 triệu đồng
- Kinh phí giao thực hiện nhiệm vụ gồm: YTTB 1.812,3triệu đồng; Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị y tế, tài sản khác (hỗ trợ để sửa chữa bảo dưỡng tuyến huyện xã dự phòng) 90 triệu đồng; Sửa chữa xe ô tô 80 triệu đồng; Phòng chống cháy nổ, bảo hiểm phòng chống cháy nổ 20 triệu đồng; Hỗ trợ chính sách cho phụ nữ nghèo, dân tộc thiểu số sinh con đúng chế độ 60 triệu đồng